

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
KHU VỰC 4 – LÀO CAI
TỈNH LÀO CAI
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **48/2026/HNGĐ - ST**

Ngày: 02/7/2026

V/v: *Ly hôn, tranh chấp*

về nuôi con chung.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 – LÀO CAI, TỈNH LÀO CAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Ngọc Linh.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Quỳnh Mai.
2. Ông Trần Trung Hải.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thu Thảo - Thư ký Tòa án Khu vực 4 – Lào Cai

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 – Lào Cai tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 7 năm 2026 Tòa án nhân dân Khu vực 4 – Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 46/2026/TLST - HNGĐ, ngày 04/3/2026 về: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2026/QĐXXST- HNGĐ ngày 03 tháng 6 năm 2026 và quyết định hoãn phiên toà số: 23/2026/QĐST- HNGĐ ngày 15 tháng 6 năm 2026 giữa các đương sự :

1. *Nguyên đơn:* Chị Bàn Thị P, sinh năm 1995. Số định danh cá nhân: 015195003416.

Địa chỉ: Thôn N, xã S, tỉnh Lào Cai. *Có mặt.* (Ngày 23/6/2026 có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Anh Bàn Kim T, sinh năm 1985. Số định danh cá nhân: 015085010632.

Địa chỉ: Thôn N, xã S, tỉnh Lào Cai. *(vắng mặt).*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, tại bản tự khai và biên bản hoà giải tại Toà án nguyên đơn chị Bàn Thị P trình bày: Chị và anh Bàn Kim T kết hôn tự nguyện có đăng ký kết hôn ngày 01 tháng 10 năm 2013 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện V, tỉnh Yên Bái (nay là xã S, tỉnh Lào Cai). Sau khi kết hôn vợ chồng anh chị về chung sống tại thôn N, xã S, tỉnh Lào Cai. Vợ chồng chung sống hòa thuận đến tháng 06 năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do anh T có quan hệ với người phụ nữ khác dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Mâu thuẫn đã được

gia đình hai bên khuyên bảo nhưng không giải quyết được. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị và anh Bàn Kim T được ly hôn. Về con chung tại đơn khởi kiện và bản tự khai chị P trình bày: Chị và anh T có 02 con chung là Bàn Thị M, sinh ngày 12/01/2012 và Bàn Sinh P1, sinh ngày 16/12/2021, chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung là Bàn Thị M và Bàn Sinh P1, chị không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Tại bản tự khai và biên bản hoà giải tại Toà án bị đơn anh Bàn Kim T trình bày: Anh và chị Bàn Thị P kết hôn tự nguyện có đăng ký kết hôn ngày 01 tháng 10 năm 2013 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện V, tỉnh Yên Bái (nay là xã S, tỉnh Lào Cai). Sau khi kết hôn vợ chồng anh chị về chung sống tại thôn N, xã S, tỉnh Lào Cai. Vợ chồng chung sống hòa thuận đến năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do thời gian trước anh có quen người phụ nữ khác không quan tâm đến vợ con, nhưng đến nay anh đã thay đổi và sửa chữa lỗi lầm. Anh mong muốn vợ chồng quay về đoàn tụ nên chị P yêu cầu giải quyết ly hôn anh không nhất trí ly hôn. Tại bản tự khai về con chung anh T trình bày: Anh và chị P có 02 con chung là Bàn Thị M, sinh ngày 12/01/2012 và Bàn Sinh P1, sinh ngày 16/12/2021, anh nhận nuôi cả hai con chung là Bàn Thị M và Bàn Sinh P1, anh yêu cầu chị P cấp dưỡng nuôi con chung với mức cấp dưỡng 3.000.000 đồng/một con chung/tháng, cấp dưỡng hàng tháng kể từ tháng 4/2026 đến khi con chung đủ 18 tuổi;

Tại biên bản hoà giải anh T và chị P thống nhất giải quyết về con chung: Chị P trực tiếp nuôi dưỡng con chung Bàn Thị M, anh T trực tiếp nuôi dưỡng con chung Bàn Sinh P1. Người không trực tiếp nuôi dưỡng con chung có trách nhiệm cấp dưỡng 3.000.000 đồng/tháng đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Quá trình giải quyết: Chị Bàn Thị P và anh Bàn Kim T không yêu cầu Toà án giải quyết về tài sản chung và nợ chung.

Tại biên bản lấy lời khai của con chung trên 7 tuổi là Bàn Thị M, trường hợp bố mẹ ly hôn, cháu Bàn Thị M có nguyện vọng ở với mẹ là Bàn Thị P.

Tại biên bản xác minh trường thôn Nậm Biếu, xã S, tỉnh Lào Cai ông Bàn Phúc X cho biết: Vợ chồng chị P, anh T có đăng ký kết hôn tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do cuộc sống vợ chồng không hoà hợp, không tìm được tiếng nói chung trong gia đình dẫn đến vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn. Mâu thuẫn vợ chồng đã được tổ hoà giải của thôn đến hoà giải nhưng không thành. Vợ chồng anh chị P, T có 02 con chung, hiện nay cả hai con chung đều do anh chị P, T cùng chăm sóc. Ông đề nghị Toà án giải quyết đề nghị xin ly hôn của chị P theo quy định pháp luật.

Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, chị P cung cấp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ gồm: Bản chính Giấy chứng nhận kết hôn giữa chị P, anh T; Bản sao chứng thực giấy khai sinh của con chung Bàn Thị P và Bàn Kim T; Bản

sao Căn cước công dân của Bàn Thị P; Đơn đề nghị không tiến hành hòa giải đối thoại; Bản phô tô đối chiếu thông tin cư trú; Xác nhận thông tin về cư trú; Đơn đề nghị không tiến hành hòa giải của Bàn Thị P.

Tại phiên tòa nguyên đơn vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt, với nội dung giữ nguyên yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn như bản tự khai và các biên bản khác tại Tòa án, đối với việc nuôi con chung, chia tài sản chung và nợ chung giữ nguyên ý kiến như biên bản hoà giải tại Tòa án.

Tòa án đã tiến hành tổng đạt thông báo thụ lý vụ án và triệu tập hợp lệ nhưng anh Bàn Kim T không có mặt tại Tòa án để giải quyết vụ án, do vậy ngày 15/6/2026 đã phải ra Quyết định hoãn phiên tòa lần 1.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 – Lào Cai tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, việc chấp hành pháp luật của Nguyên đơn tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử Nghị án là đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn chị Bàn Thị P vắng mặt tại phiên tòa đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn anh Bàn Kim T vắng mặt lần thứ hai nhưng đã được triệu tập hợp lệ theo quy định tại Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt chị Bàn Thị P và anh Bàn Kim T. Về luật nội dung căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận đơn khởi kiện của chị Bàn Thị P: Xử cho chị Bàn Thị P được ly hôn anh Bàn Kim T. Về con chung: Chị P và anh T có 02 con chung là Bàn Thị M, sinh ngày 12/01/2012 và Bàn Sinh P1, sinh ngày 16/12/2021; giao con chung Bàn Thị M cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng, giao con chung Bàn Sinh P1 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Người không trực tiếp nuôi dưỡng con chung có nghĩa vụ cấp dưỡng 3.000.000 đồng/tháng đến khi con chung đủ 18 tuổi. Về tài sản chung, nợ chung: Chị P, anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về án phí: Chị Bàn Thị P và anh Bàn Kim T phải chịu án phí sơ thẩm về hôn nhân gia đình theo quy định. Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn anh Bàn Kim T đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn N, xã S, tỉnh Lào Cai vụ án do Tòa án nhân dân Khu vực 4 – Lào Cai thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa chỉ Bà Thị P vắng mặt đã có đơn xin xét xử vắng mặt, anh Bà Kim T đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng vẫn vắng mặt không có lý do thể hiện thái độ cố tình trốn tránh nghĩa vụ đối với Nguyên đơn. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn. Do đó, căn cứ vào Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt chỉ Bà Thị P và anh Bà Kim T.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chỉ Bà Thị P và anh Bà Kim T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 01 tháng 10 năm 2013 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện V, tỉnh Yên Bái cũ (nay là xã S, tỉnh Lào Cai). Theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình, quan hệ hôn nhân giữa chỉ P và anh T được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Trong quá trình chung sống chỉ P trình bày giữa hai vợ chồng nảy sinh mâu thuẫn từ tháng 6/2024, nguyên nhân mâu thuẫn do anh T có quan hệ với người phụ nữ khác dẫn đến không quan tâm đến chỉ, vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Nay chỉ xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chỉ và anh Bà Kim T được ly hôn. Anh T thừa nhận vợ chồng chung sống đến năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do áp lực về kinh tế dẫn đến vợ chồng có xảy ra cãi nhau, thời gian trước anh có quen người phụ nữ khác từ đó không quan tâm đến vợ con, nhưng nay anh đã thay đổi và sửa chữa lỗi lầm. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa chỉ P, anh T là có thật, mâu thuẫn đã được hai bên gia đình và tổ hoà giải thôn bản hoà giải nhưng không được. Nghĩa vụ của vợ chồng là sống chung với nhau, mục đích hôn nhân là chung sống hạnh phúc tuy nhiên chỉ P, anh T thường xuyên cãi nhau, anh T đưa ra ý kiến là thay đổi và sửa chữa lỗi lầm nhưng chỉ P kiên quyết đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn, thể hiện quan hệ vợ chồng đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, yêu cầu xin ly hôn của chỉ Bà Thị P là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về con chung: Chỉ Bà Thị P và anh Bà Kim T có 02 con chung là Bà Thị M, sinh ngày 12/01/2012 và Bà Sinh P1, sinh ngày 16/12/2021. Sau khi ly hôn, anh chỉ P, T thống nhất tại biên bản hoà giải, chỉ P trực tiếp nuôi dưỡng con chung Bà Thị M, anh P trực tiếp nuôi dưỡng con chung Bà Sinh P1, chỉ P và anh T mỗi người có trách nhiệm cấp dưỡng cho người con mà mình không trực tiếp nuôi với mức cấp dưỡng 3.000.000 đồng/01 tháng đến khi con chung đủ 18 tuổi. Ngoài ra con chung trên 7 tuổi là Bà Thị M trong trường hợp bố mẹ ly hôn có nguyện vọng được ở với mẹ. Để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho các bên đương sự, quyền và lợi ích hợp pháp cho người phụ nữ và con chưa thành niên, nên giao con chung Bà Thị M cho chỉ Bà Thị P trực tiếp nuôi dưỡng, giao con chung Bà Sinh P1 cho anh B Kim T trực tiếp nuôi dưỡng con chung, người không trực tiếp nuôi con chung có nghĩa vụ cấp dưỡng cho người con mà mình

không trực tiếp nuôi với mức cấp dưỡng 3.000.000 đồng/01 tháng đến khi con chung đủ 18 tuổi là phù hợp theo quy định tại các Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Bàn Thị P không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Nguyên đơn chị Bàn Thị P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn 300.000 đồng theo điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị Bàn Thị P, anh Bàn Kim T phải chịu án phí cấp dưỡng mỗi người với số tiền 300.000 đồng theo điểm a khoản 6 điều 27 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Quan điểm về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với quy định của pháp luật, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Áp dụng khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 238; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Áp dụng điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Bàn Thị P được ly hôn với anh Bàn Kim T.

2. Về con chung: Anh T, chị P có 02 con chung là Bàn Thị M, sinh ngày 12/01/2012 và Bàn Sinh P1, sinh ngày 16/12/2021. Giao con chung Bàn Thị M cho chị Bàn Thị P trực tiếp nuôi dưỡng; giao con chung Bàn Sinh P1 cho anh B Kim T trực tiếp nuôi dưỡng. Người không trực tiếp nuôi dưỡng con chung có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung với mức cấp dưỡng 3.000.000 đồng (ba triệu đồng)/01 tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác.

Kể từ ngày anh Bàn Kim T, chị Bàn Thị P có đơn yêu cầu thi hành án khoản tiền cấp dưỡng nuôi con chung mà chị Bàn Thị P, anh B Kim Thanh chậm thi hành khoản tiền cấp dưỡng nêu trên thì hàng tháng chị Bàn Thị P, anh Bàn Kim T phải chịu lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả với mức

lỗi suất phát sinh do chậm trả được xác định theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Bàn Thị P phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân gia đình và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng, chị Bàn Thị P đã nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai ký hiệu BLTU/26E số 0000715 ngày 04 tháng 3 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Lào Cai, chị P còn phải nộp 300.000 đồng. Anh Bàn Kim T phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Bàn Thị P, anh Bàn Kim T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- TAND tỉnh Lào Cai; **THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- VKSND Khu vực 4 – Lào Cai;

- Phòng THADS Khu vực 4;

- Các đương sự;

- UBND xã Sơn Lương, tỉnh Lào Cai;

- Lưu HS.

Hoàng Ngọc Linh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

